

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THUẾ - TƯ VẤN SÀI GÒN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
3.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	04 - 07
3.2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013	08
3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	09
3.4. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30
4. PHỤ LỤC	31 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Ban Điều hành, quản lý Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán

### **Khái quát về Công ty**

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Vĩnh Long là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty Cấp nước Vĩnh Long sang Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Vĩnh Long theo Quyết định số 295/QĐ.UBND ngày 19 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54040000 ngày 03 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 11 năm 2008 về việc thay đổi vốn điều lệ và số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ số 54040000 thành số 1500174831;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 12 năm 2009;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 04 năm 2010;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 20 tháng 10 năm 2011;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 02 tháng 11 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: **142.442.177.176 Đồng**  
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013: **157.098.663.297 Đồng**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 070 3822583

Fax : 070 3829432

E-mail : capnuocvl@gmail.com

Mã số thuế : 1500174831

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; tư vấn xây dựng, bao gồm: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 04 đến trang 32).

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Chủ tịch Công ty và Ban điều hành, quản lý**

Chủ tịch Công ty và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Chủ tịch Công ty**

Họ và tên

Ông Đặng Tấn Chiến

Chức vụ

Chủ tịch

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

### **Ban điều hành, quản lý**

**Ho và tên**

**Chức vụ**

Ông Đặng Tấn Chiến

Giám đốc

Ông Đoàn Ngọc Thiện

Phó Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 01/02/2013

Ông Nguyễn Tấn Phát

Phó Giám đốc

Bỏ nhiệm ngày 01/01/2013

Ông Trần Văn Bản

Phó Giám đốc

Bỏ nhiệm ngày 15/03/2013

Bà Bùi Thiện Ngọc Minh

Kế toán trưởng

Bỏ nhiệm ngày 01/01/2013

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán - Thuế - Tư vấn Sài Gòn (Saigon Auditing) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Saigon Auditing bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty

### **Xác nhận của Ban điều hành, quản lý**

Ban điều hành, quản lý Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc công ty đã thực hiện:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban điều hành, quản lý Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Ban điều hành, quản lý Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ngày 30 tháng 03 năm 2014

**TM. Ban Điều hành, quản lý Công ty**  
**Giám Đốc**



**ĐẶNG TẤN CHIẾN**

Số: ~~AMM~~ IAR-FA/SGA**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Chủ tịch Công ty; Ban Điều hành, quản lý  
**Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Vĩnh Long được lập ngày 30/01/2014, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Vĩnh Long tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

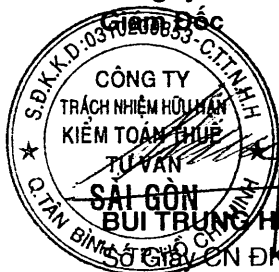
Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý thêm đến người đọc báo cáo kiểm toán này rằng, quỹ tiền lương thực hiện của đơn vị năm 2013 chưa được phê duyệt.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2014  
 Công ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn  
 Số Chứng Thư: 226/2014/CT-ĐT/BS  
 Ngày 02 tháng 3 năm 2014

Kiểm toán viên

CHỦ TỊCH



BÙI NHẬT ÁNH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1338-2013-207-1 Nguyễn Thị Đào

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			<b>129.363.178.554</b>	<b>111.155.446.307</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>99.281.775.504</b>	<b>87.970.625.753</b>
1. Tiền	111		4.694.244.979	6.129.450.114
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.587.530.525	81.841.175.639
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.063.400.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.063.400.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.469.770.402</b>	<b>9.010.972.261</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	7.649.073.712	6.456.886.171
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.004.831.000	1.195.521.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	1.854.548.639	1.388.725.827
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(38.682.949)	(30.161.037)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.248.567.911</b>	<b>12.454.050.846</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.276.117.473	12.481.258.437
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(27.549.562)	(27.207.591)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.299.664.737</b>	<b>1.719.797.447</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.584.888.081	364.157.576
3. Các khoản thuế phải thu	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.714.776.656	1.355.639.871

51023085  
CÔNG TY  
HỆM HỮ  
TOÁN TỈ  
TƯ VẤN  
ÀI GÒM  
TP. HỒ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>197.785.564.149</b>	<b>149.011.433.893</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.939.154</b>	<b>34.301.723</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	25.939.154	34.301.723
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>194.894.573.968</b>	<b>146.209.499.002</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	137.492.275.678	133.698.160.596
Nguyên giá	222		240.620.460.626	225.432.702.305
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(103.128.184.948)	(91.734.541.709)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	117.473.633	30.231.370
Nguyên giá	228		174.926.900	79.926.900
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(57.453.267)	(49.695.530)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	57.284.824.657	12.481.107.036
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.100.000.000</b>	<b>2.100.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	1.800.000.000	1.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	300.000.000	300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>765.051.027</b>	<b>667.633.168</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	765.051.027	667.633.168
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>327.148.742.703</b>	<b>260.166.880.200</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.897.339.510</b>	<b>35.778.132.706</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.611.893.785</b>	<b>28.740.181.918</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.167.560.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	2.097.033.187	1.069.901.044
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	255.902.182	1.863.932.309
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	V.19	2.010.836.590	1.487.434.320
5. Phải trả công nhân viên	315	V.20	12.762.178.148	7.247.188.126
6. Chi phí phải trả	316	V.21	233.526.245	240.439.663
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.22	9.235.751.666	6.989.290.410
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	V.23	10.016.665.767	7.674.436.046
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.285.445.725</b>	<b>7.037.950.788</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	32.826.084.050	1.445.040.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.25	78.084.316	91.863.902
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	V.26	6.381.277.359	5.501.046.886
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>251.251.403.193</b>	<b>224.388.747.494</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.27	<b>251.251.403.193</b>	<b>224.388.747.494</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		157.098.663.297	153.902.034.848
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.918.312.971	15.931.692.706
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	7.387.037.436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.652.926.184	15.712.793.375
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		45.581.500.741	31.455.189.129
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>327.148.742.703</b>	<b>260.166.880.200</b>





**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		97.855.553	98.299.172
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
Nguồn khấu hao cơ bản hiện có		-	-

310230853  
 CÔNG TY  
 CH NHẬN HỮU  
 M TOÁN TH  
 TƯ VẤN  
 SÀI GÒN  
 7-TP. HỒ C

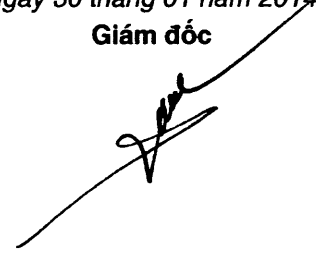
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 01 năm 2014

Giám đốc





LÊ VĂN THẮNG

BÙI THIÊN NGỌC MINH

ĐẶNG TẤN CHIẾN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		85.669.659.407	81.777.669.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	7.286.381
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	VI.28	85.669.659.407	81.770.383.247
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.29	44.984.025.655	41.582.769.078
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 -11)</b>	<b>20</b>		<b>40.685.633.752</b>	<b>40.187.614.169</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.30	7.287.036.488	9.479.304.299
7. Chi phí tài chính	22	VI.31	216.635.580	400.422.583
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		216.635.580	400.422.583
8. Chi phí bán hàng	24	VI.32	16.248.941.532	14.762.096.745
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.33	10.927.109.934	11.120.194.697
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>20.579.983.194</b>	<b>23.384.204.443</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.34	2.417.149.931	1.268.172.503
12. Chi phí khác	32	VI.35	1.273.779.228	582.027.855
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.143.370.703</b>	<b>686.144.648</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>21.723.353.897</b>	<b>24.070.349.091</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.36	5.410.160.747	5.061.058.422
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.37	(13.779.586)	(13.779.586)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>16.326.972.736</b>	<b>19.023.070.255</b>

Ngày 30 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ VĂN THĂNG

BÙI THIÊN NGỌC MINH

ĐẶNG TẤN CHIẾN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		86.701.975.124	81.641.867.105
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(46.275.742.785)	(46.302.348.147)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.943.468.659)	(15.996.000.063)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(216.635.580)	(400.422.583)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.432.574.611)	(7.307.506.160)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.844.680.390	13.563.362.900
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.788.319.137)	(21.375.244.064)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.889.914.742</b>	<b>3.823.708.969</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(13.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	411.820.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.1	(230.680.707.785)	(151.934.637.819)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII.2	234.281.218.266	158.525.263.441
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII.3	2.433.324.528	2.343.020.932
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.033.835.009</b>	<b>9.331.966.554</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	600.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.4	(3.612.600.000)	(2.276.762.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.612.600.000)</b>	<b>(1.676.762.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.311.149.751</b>	<b>11.478.913.523</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>87.970.625.753</b>	<b>76.491.712.230</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>99.281.775.504</b>	<b>87.970.625.753</b>



Ngày 30 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ VĂN THẮNG

BÙI THIÊN NGỌC MINH

ĐẶNG TẤN CHIẾN

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm: 2013

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh đăng ký là sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; tư vấn xây dựng, bao gồm: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.
- Cán bộ và nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 292 cán bộ và nhân viên đang làm việc.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các thông tư sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính năm 2013 và báo cáo tài chính năm 2012 là cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau. Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

## 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 9. Chi phí trả trước dài hạn

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 11. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập không vượt quá 10% thu nhập tính thuế và được hạch toán vào chi phí và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

## 12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

## 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## *Lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## 15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	15.155.348	22.251.436
Tiền gửi ngân hàng	4.679.089.631	6.107.198.678
Các khoản tương đương tiền	94.587.530.525	81.841.175.639
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	94.587.530.525	81.841.175.639
<b>Cộng</b>	<b><u>99.281.775.504</u></b>	<b><u>87.970.625.753</u></b>

### 1.1 Tiền gửi ngân hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kho bạc Nhà Nước tỉnh Vĩnh Long	771.015.512	361.811.545



## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	2.540.821.327	2.226.281.305
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	35.144.233	2.595.027.857
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Phòng giao dịch TPVĩnh Long	1.002.600	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh Vĩnh Long	137.413.510	468.676.220
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Tam Bình	230.494.008	21.814.400
Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	681.789.943	-
Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long Phòng giao dịch TPVĩnh Long	6.106.983	418.727.245
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Vĩnh Long	2.178.484	1.745.525
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Long Hồ	175.520.704	9.750.846
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Cái Ngang	73.015.300	1.359.900
Ngân hàng TMCP Phương Nam chi nhánh Vĩnh Long	1.693.879	1.001.834
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Vĩnh Long	5.003.940	1.002.001
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	15.357.817	-
Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Vĩnh Long	1.010.211	-
Ngân hàng TMCP Xây Dựng chi nhánh Vĩnh Long	520.784	-
Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long chi nhánh Vĩnh Long	1.000.396	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.679.089.631</u></b>	<b><u>6.107.198.678</u></b>

#### 1.2 Các khoản tương đương tiền

Là những khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	43.339.246.302	36.925.137.985
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	2.715.000.000	7.554.985.800
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Phòng giao dịch TPVĩnh Long	1.105.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn-Chi nhánh Vĩnh Long	14.357.371.328	15.562.576.372
Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long chi nhánh Vĩnh Long	400.000.000	-
Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long Phòng giao dịch TPVĩnh Long	4.009.524.060	5.947.644.323



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Vĩnh Long	1.564.982.819	5.405.197.086
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	5.892.506.209	5.445.634.073
Ngân hàng TMCP Phương Nam chi nhánh Vĩnh Long	8.609.191.046	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Vĩnh Long	4.739.959.178	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương chi nhánh Vĩnh Long	2.177.494.773	-
Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Vĩnh Long	552.254.810	-
Ngân hàng TMCP Xây Dựng chi nhánh Vĩnh Long	5.125.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>94.587.530.525</u></b>	<b><u>81.841.175.639</u></b>

(\*) *Lãi suất và ngày đến hạn của số cuối kỳ:*

	<u>Lãi suất (tháng)</u>	<u>Ngày đến hạn</u>	<u>Số tiền</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	23/02/2014	22.162.000.000
	0,583%	09/02/2014	11.734.000.000
	0,800%	18/03/2014	2.285.746.302
	0,542%	11/01/2014	4.100.000.000
	0,542%	02/02/2014	3.057.500.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	09/02/2014	2.715.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Phòng giao dịch TP Vĩnh Long	0,583%	14/01/2014	1.105.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn-Chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	20/02/2014	11.249.553.720
	0,583%	10/01/2014	554.078.238
	0,583%	10/03/2014	1.414.000.000
	0,583%	16/01/2014	1.139.739.370
Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	20/03/2014	400.000.000
Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long Phòng giao dịch TP Vĩnh Long	0,650%	23/03/2014	4.009.524.060
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	02/01/2014	1.564.982.819
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	0,500%	20/01/2014	2.944.350.043
	0,500%	11/01/2014	659.948.775
	0,500%	12/01/2014	2.288.207.391
Ngân hàng TMCP Phương Nam chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	27/02/2014	1.083.283.431
	0,583%	07/03/2014	1.083.000.000
	0,583%	02/01/2014	1.586.895.140

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lãi suất</u> <u>(tháng)</u>	<u>Ngày đến hạn</u>	<u>Số tiền</u>
	0,583%	03/03/2014	2.502.000.000
	0,583%	11/01/2014	941.012.475
	0,583%	10/03/2014	1.413.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	27/02/2014	2.164.592.736
	0,708%	09/01/2014	2.575.366.442
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương chi nhánh Vĩnh Long	0,567%	20/01/2014	2.177.494.773
Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Vĩnh Long	0,583%	15/01/2014	552.254.810
Ngân hàng TMCP Xây Dựng chi nhánh Vĩnh Long	0,833%	10/01/2014	2.495.000.000
	0,792%	16/03/2014	1.630.000.000
	0,558%	13/02/2014	1.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>94.587.530.525</b>

## 2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Xây Dựng chi nhánh Vĩnh Long	1.063.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.063.400.000</b>	-

(\*) *Lãi suất và ngày đến hạn của số cuối kỳ:*

	<u>Lãi suất</u> <u>(tháng)</u>	<u>Ngày đến hạn</u>	<u>Số tiền</u>
Ngân hàng TMCP Xây Dựng chi nhánh Vĩnh Long	0,792%	20/06/2014	1.063.400.000
<b>Cộng</b>			<b>1.063.400.000</b>

## 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ hoạt động sản xuất nước	6.527.135.613	5.951.753.593
Ban giải phóng mặt bằng QL 1A	99.092.478	99.092.478
Ban quản lý dự án giao thông	57.978.000	57.978.000
Ban quản lý đầu tư xây dựng chợ Cái Ngang	21.729.000	21.729.000
Cty TNHH 1 TV CT Công Cộng VLong	20.708.400	20.708.400
BQL Dự Án XDCB Huyện Trà Ôn	178.279.000	178.279.000
BQL Dự Án XDCB TP Vĩnh Long	152.169.354	-
BQL Dự Án Giao Thông Nông Thôn Vĩnh Long	156.591.600	-
Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Việt Long	224.376.000	-
Khách hàng khác	211.014.267	127.345.700
<b>Cộng</b>	<b>7.649.073.712</b>	<b>6.456.886.171</b>

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàn Mỹ	-	1.001.390.300
Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Việt Long	-	97.700.000
Công ty cổ phần Xây Dựng số 05	1.899.531.000	-
Trường Đại Học Xây Dựng Miền Tây	81.450.000	-
Các nhà cung cấp khác	23.850.000	96.431.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.004.831.000</u></b>	<b><u>1.195.521.300</u></b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	69.960.709	63.315.504
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.415.973.993	986.172.514
Cổ tức lợi nhuận được chia dự thu từ hoạt động liên doanh liên kết	21.000.000	261.000.000
Dự thu tiền hỗ trợ kỹ thuật và quản lý công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long	134.750.000	-
Phải thu khác	212.863.937	78.237.809
<b>Cộng</b>	<b><u>1.854.548.639</u></b>	<b><u>1.388.725.827</u></b>

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 3 năm	(16.179.570)	(13.187.807)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm trở lên	(22.503.379)	(16.973.230)
<b>Cộng</b>	<b><u>(38.682.949)</u></b>	<b><u>(30.161.037)</u></b>

### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.880.150.331	10.921.932.651
Công cụ, dụng cụ	864.018.288	875.360.288
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	380.200.077	538.824.170
Thành phẩm	151.748.777	145.141.328
<b>Cộng</b>	<b><u>13.276.117.473</u></b>	<b><u>12.481.258.437</u></b>

### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	(27.549.562)	(27.207.591)
<b>Cộng</b>	<b><u>(27.549.562)</u></b>	<b><u>(27.207.591)</u></b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.714.776.656	1.355.639.871
<b>Cộng</b>	<b><u>1.714.776.656</u></b>	<b><u>1.355.639.871</u></b>

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu chi phí đầu nối đồng hồ nước trả chậm	25.939.154	34.301.723
<b>Cộng</b>	<b>25.939.154</b>	<b>34.301.723</b>

## 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>ĐVT: VND</i>					
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	54.491.287.203	55.708.797.441	114.226.688.624	1.005.929.037	225.432.702.305
Tăng trong kỳ	2.390.883.578	815.419.815	14.828.723.603	21.500.000	18.056.526.996
- Mua sắm mới	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.390.883.578	702.504.588	13.421.308.582	-	16.514.696.748
- Nhận bàn giao các công trình di dời	-	-	1.407.415.021	-	1.407.415.021
- Tặng khác	-	112.915.227	-	21.500.000	1.34.415.227
Giảm trong kỳ	(992.712.581)	(834.242.005)	(753.159.795)	(288.654.294)	(2.868.768.675)
- Thanh lý	(992.712.581)	(220.026.022)	(753.159.795)	-	(1.965.898.398)
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(614.215.983)	-	(288.654.294)	(902.870.277)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>55.889.458.200</b>	<b>55.689.975.251</b>	<b>128.302.252.432</b>	<b>738.774.743</b>	<b>240.620.460.626</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ năm	17.909.018.285	38.691.018.597	34.734.353.663	400.151.164	91.734.541.709
- Khấu hao trong kỳ	2.688.498.971	4.061.270.509	5.983.227.686	179.234.763	12.912.231.929
- Thanh lý, nhượng bán	(422.093.273)	(184.353.711)	(279.820.123)	-	(886.267.107)
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(396.183.928)	-	(236.137.655)	(632.321.583)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.175.423.983</b>	<b>42.171.751.467</b>	<b>40.437.761.226</b>	<b>343.248.272</b>	<b>103.128.184.948</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	36.582.268.918	17.017.778.844	79.492.334.961	605.777.873	133.698.160.596
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.714.034.217</b>	<b>13.518.223.784</b>	<b>87.864.491.206</b>	<b>395.526.471</b>	<b>137.492.275.678</b>
<b>Trong đó:</b>					
■ Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.143.576.479	18.908.741.040	4.839.853.559	112.065.401	27.004.236.479

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	24.452.800	55.474.100	79.926.900
Tăng trong kỳ	-	95.000.000	95.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.452.800</b>	<b>150.474.100</b>	<b>174.926.900</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	49.695.530	49.695.530
Khấu hao trong kỳ	-	7.757.737	7.757.737
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ năm</b>	<b>-</b>	<b>57.453.267</b>	<b>57.453.267</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ năm	24.452.800	5.778.570	30.231.370
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.452.800</b>	<b>93.020.833</b>	<b>117.473.633</b>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>XDCB dở dang</b>					
- Công trình Hệ thống cấp nước khu trung tâm huyện Tam Bình	765.095.545	1.458.927.992	2.224.023.537	-	-
- Công trình Hệ thống cấp nước Long Hồ	4.442.928.672	11.071.806.313	-	-	15.514.734.985
- Công trình Hệ thống cấp nước Vĩnh Long mở rộng	1.038.222.118	33.078.848.665	-	-	34.117.070.783
- Tuyến ống cấp nước phân phối dịch vụ D<100 - TPVL	268.770.023	3.675.020.618	-	-	3.943.790.641
- Tuyến ống cấp nước D63-114 áp Đông Hậu; áp Đông Phú; áp An Thới xã Ngãi Tứ huyện Tam Bình; khu 10B TT Trà Ôn huyện Trà Ôn	-	1.626.530.046	-	-	1.626.530.046
- Công trình khác	5.966.090.678	20.060.362.164	12.960.248.663	9.653.081.429	2.082.698.202
<b>Cộng</b>	<b>12.481.107.036</b>	<b>70.971.495.798</b>	<b>16.514.696.748</b>	<b>9.653.081.429</b>	<b>57.284.824.657</b>

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long <sup>(i)</sup>	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.800.000.000</b>		<b>1.800.000.000</b>

- (i) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long 1.800.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

#### 15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần nước và môi trường Mang Thít <sup>(ii)</sup>	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>300.000.000</b>		<b>300.000.000</b>

- (ii) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần nước và môi trường Mang Thít 300.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ

#### 16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	667.633.168	278.672.312
Phát sinh tăng	847.456.510	858.996.605
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(750.038.651)	(470.035.749)
<b>Số cuối năm</b>	<b>765.051.027</b>	<b>667.633.168</b>

#### 17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM-Xây Dựng Việt Long	1.080.272.314	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàn Mỹ	113.251.400	558.693.300
TT Tư Vấn Xây Dựng - Trường ĐHXD Miền Tây	509.260.337	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	-	138.879.000
Công ty TNHH Bảo Hà Mê Kông	141.866.000	74.307.000
Các nhà cung cấp khác	252.383.136	298.021.744
<b>Cộng</b>	<b>2.097.033.187</b>	<b>1.069.901.044</b>

#### 18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án giao thông nông thôn tỉnh Vĩnh Long	-	156.679.500
Trung tâm phát triển quỹ đất	140.921.000	1.348.069.785
Các khách hàng khác	114.981.182	359.183.024
<b>Cộng</b>	<b>255.902.182</b>	<b>1.863.932.309</b>

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

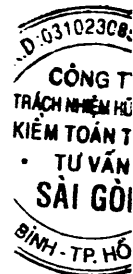
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	314.806.695	770.822.197	1.085.628.892	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	867.250.175	5.410.160.747	4.432.574.611	1.844.836.311
Thuế thu nhập cá nhân	163.291.780	316.830.469	464.869.780	15.252.469
Thuế tài nguyên	12.717.060	156.471.830	156.314.690	12.874.200
Tiền thuê đất	-	67.956.082	67.956.082	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	129.368.610	1.679.824.170	1.671.319.170	137.873.610
<b>Cộng</b>	<b>1.487.434.320</b>	<b>8.413.065.495</b>	<b>7.889.663.225</b>	<b>2.010.836.590</b>



#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nước sạch	5%
Xây lắp, kinh doanh vật tư	10%
Nước đóng chai	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25% và được trình bày tại thuyết minh số VI.36

#### *Tiền thuê đất*

Công ty được miễn, giảm tiền thuê đất theo Nghị định số 124/2011/NĐCP ngày 28/12/2011

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 20. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Ban điều hành doanh nghiệp	921.894.187	447.353.236
Phải trả công nhân viên, người lao động	11.840.283.961	6.799.834.890
<b>Cộng</b>	<b>12.762.178.148</b>	<b>7.247.188.126</b>

Quỹ lương thực hiện của Viên chức quản lý năm 2013 chưa được UBND tỉnh Vĩnh Long phê duyệt. Nên Báo cáo tài chính năm 2013 này, Công ty tạm tính quỹ lương thực hiện của Viên chức quản lý theo phương án tính lương thực hiện được hướng dẫn tại thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH.

Quỹ tiền lương thực hiện sản phẩm nước sạch, bộ phận công nhân lắp đặt, bộ phận sản xuất nước uống đóng chai và các hoạt động khác chưa được phê duyệt. Nên Báo cáo tài chính năm 2013 này, quỹ lương thực hiện của Người lao động được tạm tính theo phương án tính lương thực hiện được hướng dẫn tại thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH.

Khi UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2013 cho Viên chức quản lý và Chủ tịch Công ty ra quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2013, Công ty sẽ điều chỉnh quỹ tiền lương theo các quyết định hiện hành.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền điện, nước, nhiên liệu	188.738.796	184.233.524
Chi phí kiểm toán	40.909.091	45.000.000
Chi phí đào lộ nhựa nóng nguội, hoàn trả mặt bằng	3.878.358	2.539.669
Bục đỡ đồng hồ	-	8.666.470
<b>Cộng</b>	<b><u>233.526.245</u></b>	<b><u>240.439.663</u></b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn ( <i>Phòng Công Thương Huyện Vũng Liêm</i> )	249.402.869	249.402.869
Tiền tạm ứng vốn thi công công trình ( <i>Sở Tài Chính tỉnh Vĩnh Long</i> )	4.650.000.000	4.650.000.000
Tiền tạm ứng vốn thi công công trình ( <i>Phòng Tài Chính Thành Phố Vĩnh Long</i> )	1.680.000.000	1.680.000.000
Tiền tạm ứng vốn thi công công trình ( <i>Phòng Tài Chính – Kế hoạch huyện Trà Ôn</i> )	1.997.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	469.051.845	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	190.296.952	409.887.541
<b>Cộng</b>	<b><u>9.235.751.666</u></b>	<b><u>6.989.290.410</u></b>

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số đầu năm	3.202.855.421	307.001.533	4.164.579.092	7.674.436.046
Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm nay	3.280.775.672	225.705.754	3.280.775.672	6.787.257.098
Thu tiền khen thưởng từ Ban thi đua khen thưởng tỉnh Vĩnh Long	47.200.000	-	-	47.200.000
Giảm do chi quỹ trong kỳ	(1.968.980.796)	(307.001.533)	(2.216.245.048)	(4.492.227.377)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>4.561.850.297</u></b>	<b><u>225.705.754</u></b>	<b><u>5.229.109.716</u></b>	<b><u>10.016.665.767</u></b>

**24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long</b>		
- Thực hiện dự án xây dựng NMN Thành Lợi huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	-	1.445.040.000
- Thực hiện dự án xây dựng mở rộng HTCN huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long (i)	5.615.663.000	-
- Thực hiện dự án xây dựng mở rộng HTCN TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long (ii)	27.210.421.050	-
<b>Cộng</b>	<b><u>32.826.084.050</u></b>	<b><u>1.445.040.000</u></b>

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay vốn số 02/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 29/05/2012 để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 26/2012/HĐTCTS-NHPT ngày 29/05/2012.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 29/05/2012 để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 25/2012/HĐTCTS-NHPT ngày 29/05/2012.

#### 25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	91.863.902	105.643.488
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(13.779.586)	(13.779.586)
<b>Số cuối năm</b>	<b>78.084.316</b>	<b>91.863.902</b>

#### 26. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	2.953.248.618	2.547.798.268	5.501.046.886
Số trích lập	901.255.104	-	901.255.104
Đầu tư, mua sắm TSCĐ	(123.648.182)	119.728.182	(3.920.000)
Hao mòn TSCĐ	-	(17.104.631)	(17.104.631)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.730.855.540</b>	<b>2.650.421.819</b>	<b>6.381.277.359</b>

#### 27. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

##### 27.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số đầu năm	153.902.034.848
Tăng TSCĐ theo quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.789.213.428
Tăng TSCĐ nhận bàn giao từ các công trình bồi hoàn di dời tuyến ống cấp nước	1.407.415.021
<b>Số cuối năm</b>	<b>157.098.663.297</b>

Trong đó :

+ Vốn NSNN cấp:	146.493.128.472
+ Nguồn khác:	10.605.534.825

##### 27.2. Quỹ đầu tư phát triển

Số đầu năm	15.931.692.706
Tăng do trích 30% lợi nhuận sau thuế	4.898.091.821
Tăng nguồn quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận các năm	23.088.528.444



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG

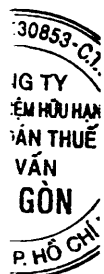
Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trước và quỹ dự phòng tài chính	
Giám do đầu tư hình thành tài sản cố định của công ty	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>43.918.312.971</b>
<b>27.3. Quỹ dự phòng tài chính</b>	
Số đầu năm	7.387.037.436
Tăng trong năm	-
Giảm do kết chuyển vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ	(7.387.037.436)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>
<b>27.4. Tình hình tăng giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</b>	
Số đầu năm:	31.455.189.129
<i>Chi tiết tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	
Ngân sách cấp chi phí thi công công trình di dời tuyến ống cấp nước D63-D200-D300 phục vụ thi công cầu Thành Lợi, cầu Cái Vồn Nhỏ, cầu Bình Minh	6.466.000
Ngân sách cấp chi phí công trình mạng lưới cấp nước phân phối D50-D114 cụm dân cư và nhà ở vùng ngập TT Trà Ôn	357.712.650
Ngân sách cấp chi phí công trình mạng lưới cấp nước phân phối D63-D114 cụm dân cư và nhà ở vùng ngập lũ nhóm 2,3 TT Cái Vồn huyện Bình Minh	502.187.103
Ngân sách cấp chi phí công trình mạng lưới cấp nước phân phối D50-D114 Cụm dân cư và nhà ở vùng ngập lũ TT Vũng Liêm	20.871.000
Ngân sách cấp chi phí thi công Dự án XD mở rộng HTCN thị trấn Long Hồ - nâng công suất từ 240m <sup>3</sup> /ng.đ lên 1.500m <sup>3</sup> /ng.đ	3.841.617.700
Ngân sách cấp chi phí thi công Dự án mở rộng HTCN Thành Phố Vĩnh Long	9.894.000.000
Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào công trình NMN Cái Ngang	1.374.132.992
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.996.987.445</b>
<i>Chi tiết giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	
Kết chuyển nguồn vốn các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng theo quyết định phê duyệt quyết toán	(1.789.213.428)
Hoàn trả số tiền ngân sách cấp thừa sau khi quyết toán các công trình XD CB	(81.462.405)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(1.870.675.833)</b>
<b>Số cuối năm:</b>	<b>45.581.500.741</b>
<b>27.5. Phân phối lợi nhuận</b>	
Lợi nhuận năm trước phải nộp ngân sách tiền bán hồ sơ mời thầu sau khi đã trừ chi phí công tác tổ chức đấu thầu và nộp thuế theo quy định (1)	11.302.367
Lợi nhuận phân phối năm nay (2)	16.326.972.736
<b>Lợi nhuận trích lập các quỹ năm nay</b>	<b>16.326.972.736</b>
+Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	4.898.091.821
+Trích quỹ thưởng ban điều hành (bằng 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý)	225.705.754
+Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (bằng 3 tháng lương thực hiện của người lao động)	6.561.551.344
+ Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được bổ sung tăng vốn điều lệ	4.641.623.817



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 28. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu thuần bán ra bên ngoài</b>		
Doanh thu cung cấp nước sạch	75.694.509.527	71.132.741.064
Doanh thu xây lắp	3.834.359.239	2.137.534.515
Doanh thu kinh doanh vật tư	472.143.147	459.446.354
Doanh thu nước đóng chai	3.592.261.864	3.260.325.361
<b>Cộng</b>	<b>83.593.273.777</b>	<b>76.990.047.294</b>
<b>2. Doanh thu thuần nội bộ</b>		
Doanh thu nội bộ hoạt động xây lắp	1.984.112.476	4.706.745.506
Doanh thu nội bộ hoạt động kinh doanh nước đóng chai	92.273.154	73.590.447
<b>Cộng</b>	<b>2.076.385.630</b>	<b>4.780.335.953</b>
<b>Tổng cộng (1)+(2)</b>	<b>85.669.659.407</b>	<b>81.770.383.247</b>

#### 29. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Giá vốn hàng bán ra bên ngoài</b>		
Giá vốn cung cấp nước sạch	36.516.695.856	32.372.214.624
<i>Trong đó: Giá vốn mua nước của Cty CP Nước và MT Cửu Long</i>	<i>6.078.768.900</i>	<i>3.999.595.750</i>
Giá vốn xây lắp	3.430.404.719	1.747.820.369
Giá vốn kinh doanh vật tư	436.150.856	387.162.438
Giá vốn nước đóng chai	2.548.440.706	2.314.614.325
<b>Cộng</b>	<b>42.931.692.137</b>	<b>36.821.811.756</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán nội bộ</b>		
Giá vốn nội bộ hoạt động xây lắp	1.984.112.476	4.706.745.506
Giá vốn nội bộ hoạt động kinh doanh nước đóng chai	68.221.042	54.211.816
<b>Cộng</b>	<b>2.052.333.518</b>	<b>4.760.957.322</b>
<b>Tổng cộng (1)+(2)</b>	<b>44.984.025.655</b>	<b>41.582.769.078</b>

#### 30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	105.387.582	149.529.292
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.615.674.913	7.977.602.493
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.000.000	105.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn đến ngày 31/12	1.415.973.993	986.172.514
Cổ tức, lợi nhuận dự thu từ hoạt động liên doanh liên kết	21.000.000	261.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.287.036.488</b>	<b>9.479.304.299</b>

#### 31. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	216.635.580	400.422.583
<b>Cộng</b>	<b>216.635.580</b>	<b>400.422.583</b>

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 32. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.074.350.479	1.943.840.633
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	7.705.335.203	7.102.855.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.828.252.013	5.127.981.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài, phí, lệ phí	20.201.793	10.187.928
Chi phí khuyến mãi	100.736.561	78.651.994
Chi phí khác	520.065.483	498.579.311
<b>Cộng</b>	<b><u>16.248.941.532</u></b>	<b><u>14.762.096.745</u></b>

#### 33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.454.009.787	6.106.705.357
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	495.534.124	420.180.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.540.280	229.588.250
Thuế phí, lệ phí	59.319.719	115.677.108
Chi phí dự phòng	8.521.912	(14.074.730)
Trích quỹ khoa học và công nghệ	901.255.104	2.646.305.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.537.001	231.461.122
Chi phí khác	1.362.392.007	1.384.352.471
<b>Cộng</b>	<b><u>10.927.109.934</u></b>	<b><u>11.120.194.697</u></b>

#### 34. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	13.787.086	374.381.818
Tăng thu nhập giá trị các công trình bồi hoàn	1.991.168.160	204.554.071
Phí bảo vệ môi trường được phép giữ lại	186.647.130	173.211.030
Dự thu tiền hỗ trợ kỹ thuật và quản lý công ty CP nước và môi trường Cửu Long	134.750.000	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa chi hết đến cuối năm 2012	-	215.243.942
Tiền bán hồ sơ mời thầu	-	48.181.823
Thu nhập khác	90.797.555	252.599.819
<b>Cộng</b>	<b><u>2.417.149.931</u></b>	<b><u>1.268.172.503</u></b>

#### 35. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản, Nguyên vật liệu, CCDC	1.079.631.291	289.661.728
Chi phí cho việc thu phí bảo vệ môi trường	158.650.063	150.173.965
Chi phí cho việc tổ chức đấu thầu	-	33.112.000
Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính	156.011	34.056.195
Chi phí khác	35.341.863	75.023.967
<b>Cộng</b>	<b><u>1.273.779.228</u></b>	<b><u>582.027.855</u></b>

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 36. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	21.723.353.897	24.070.349.091
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng(2)	67.289.089	112.396.424
- Các khoản điều chỉnh giảm(3)	(150.000.000)	(366.000.000)
Thu nhập chịu thuế(4)=(1)+(2)-(3)	21.640.642.986	23.816.745.515
<b>Thu nhập tính thuế(5)</b>	<b>21.640.642.986</b>	<b>23.816.745.515</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp(6)	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông(7)=(5*6)</i>	<i>5.410.160.747</i>	<i>5.954.186.379</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm(8)	-	(893.127.957)
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (9) = (7+8)</b>	<b>5.410.160.747</b>	<b>5.061.058.422</b>

#### 38. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả năm trước	(13.779.586)	(13.779.586)
<b>Cộng</b>	<b>(13.779.586)</b>	<b>(13.779.586)</b>

#### ■ Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố ( Nước sạch )

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	22.512.418.770	19.604.620.314
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.441.073.010	7.756.043.552
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.067.648.383	8.109.917.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.738.019.247	12.388.013.211
Thuế, phí, lệ phí	227.187.384	272.595.380
Dự phòng	8.521.912	(14.074.730)
Trích quỹ khoa học và công nghệ	901.255.104	2.646.305.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.820.462	310.502.793
Chi phí khác	2.889.673.286	2.867.911.051
Chi phí mua nước sạch	6.078.768.900	3.999.595.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.207.386.458</b>	<b>57.941.429.807</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Lũy kế chi tiền đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012</u>
Chi mua cổ phần đầu tư liên doanh, liên kết		600.000.000
Gửi tiền ngân hàng có kỳ hạn	148.839.532.146	82.627.926.038
Gửi lại khoản tương đương tiền cuối năm trước	81.841.175.639	68.706.711.781
<b>Tổng cộng</b>	<b>230.680.707.785</b>	<b>151.934.637.819</b>

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Lũy kế thu tiền đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012</u>
Chuyển từ tiền gửi có kỳ hạn sang tài khoản tiền gửi không kỳ hạn	139.693.687.741	76.684.087.802
Các khoản tương đương tiền gửi có thời gian thu hồi dưới 3 tháng	94.587.530.525	81.841.175.639
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>234.281.218.266</u></b>	<b><u>158.525.263.441</u></b>

#### 3. Lũy kế thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

	<u>Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012</u>
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	105.387.582	153.780.974
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.937.936.946	1.970.239.958
Thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư liên doanh, liên kết	390.000.000	219.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.433.324.528</u></b>	<b><u>2.343.020.932</u></b>

#### 4. Tiền trả nợ gốc vay đến hạn:

	<u>Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long	3.612.600.000	2.276.762.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.612.600.000</u></b>	<b><u>2.276.762.000</u></b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Các bên liên quan với công ty gồm:*

#### Bên liên quan

Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long như sau:

#### Mối quan hệ

Công ty liên kết

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua nước sạch	6.382.707.346	4.204.753.613
Thanh toán tiền mua nước sạch	6.382.707.346	4.204.753.613

### 2. Thay đổi thông tin so sánh

Căn cứ quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Vĩnh Long về việc tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Vĩnh Long từ 142.442.177.176 đồng lên 235.800.000.000 đồng

Căn cứ thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khi lập báo cáo tài chính năm 2013 công ty đã kết chuyển số dư nguồn quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31/12/2013 vào quỹ đầu tư phát triển.

Căn cứ công văn số 17848/BTC-TCT ngày 29/12/2011 về việc khấu trừ thuế GTGT theo thông tư số 28/2011/TT-BTC có quy định: Kho bạc nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản giao dịch thực hiện khấu trừ 2% thuế GTGT đối với khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục, công trình xây dựng cơ bản

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Do đó một số công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do công ty tự tổ chức thi công đã hạch toán doanh thu và giá vốn nội bộ như sau:


	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu nội bộ công trình xây lắp	1.984.112.476	4.706.745.506
Giá vốn nội bộ công trình xây lắp	1.984.112.476	4.706.745.506

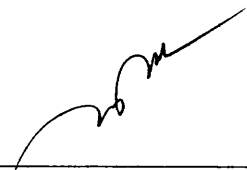
Để thông tin so sánh của chỉ tiêu doanh thu và giá vốn giữa năm 2013 và năm 2012 tương ứng nên chỉ tiêu doanh thu và giá vốn sẽ được loại trừ số tiền trên khi trình bày trên Bảng kết quả kinh doanh (xem phụ lục 02)

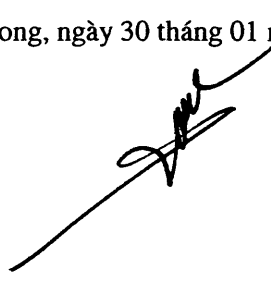
### 3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	39,54	42,72
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	60,46	57,28
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,2	13,75
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	76,8	86,25
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,31	7,33
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,53	3,91
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,71	3,09
<b>3</b>	<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	%	23,26	26,02
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu	%	17,48	20,56
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,64	9,25
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,99	7,31
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>6,62</b>	<b>9,45</b>
<b>5</b>	<b>Hệ số bảo toàn vốn nhà nước</b>	Lần	<b>1,23</b>	<b>1,06</b>

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2014

  
Lê Văn Thắng  
Người lập biểu

  
Bùi Thiện Ngọc Minh  
Kế toán trưởng

  
Đặng Tân Chiến  
Giám đốc



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG**

Địa chỉ: Số 02 đường Hương Đạo Vương, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

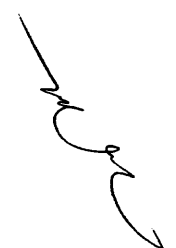
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>147.957.682.209</b>	<b>17.527.802.413</b>	<b>5.208.641.092</b>	<b>8.064.828.615</b>	<b>24.984.228.020</b>	<b>203.743.182.349</b>	
Điều chỉnh trích quỹ	-	(2.033.422.023)	278.550.961	1.754.871.062	-	-	
Tăng vốn theo Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.944.352.639	(4.695.865.014)	-	-	(1.248.487.625)	-	
Tăng do Ngân sách Nhà nước cấp	-	-	-	-	7.720.508.846	7.720.508.846	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	19.023.070.255	-	19.023.070.255	
Trích lập các quỹ	-	5.133.177.330	1.901.176.789	(13.129.976.557)	-	(6.095.622.438)	
Bù đắp những tổn thất về tài sản, công nợ	-	-	(1.331.406)	-	-	(1.331.406,00)	
Hoàn trả về Ngân sách	-	-	-	-	(1.060.112)	(1.060.112)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>153.902.034.848</b>	<b>15.931.692.706</b>	<b>7.387.037.436</b>	<b>15.712.793.375</b>	<b>31.455.189.129</b>	<b>224.388.747.494</b>	
Số dư đầu năm nay	153.902.034.848	15.931.692.706	7.387.037.436	15.712.793.375	31.455.189.129	224.388.747.494	
Tăng vốn nhận bàn giao các công trình bồi hoàn di dời tuyến ống cấp nước	1.407.415.021	-	-	-	-	1.407.415.021	
Tăng vốn theo Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.789.213.428	-	-	-	(1.789.213.428)	-	
Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào công trình NMIN Cái Ngang	-	-	-	-	1.374.132.992	1.374.132.992	
Tăng quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận các năm trước và quỹ dự phòng tài chính	-	23.088.528.444	(7.387.037.436)	(15.701.491.008)	-	-	
Tăng do Ngân sách Nhà nước cấp	-	-	-	-	14.622.854.453	14.622.854.453	
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	16.326.972.736	-	16.326.972.736	
Trích lập các quỹ	-	4.898.091.821	-	(11.685.348.919)	-	(6.787.257.098)	
Hoàn trả về Ngân sách	-	-	-	-	(81.462.405)	(81.462.405)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>157.098.663.297</b>	<b>43.918.312.971</b>	<b>-</b>	<b>4.652.926.184</b>	<b>45.581.500.741</b>	<b>251.251.403.193</b>	



**LÊ VĂN THẮNG**  
 Người lập biểu



**BÙI THIÊN NGỌC MINH**  
 Kế toán trưởng

Vinh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2014



**ĐẶNG TÂN CHIẾN**  
 Giám đốc



**Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VINH LONG**

Địa chỉ: 02 đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Phụ lục 2: Báo cáo kết quả kinh doanh (đã loại trừ doanh thu, giá vốn nội bộ công trình xây lắp)**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>83.685.546.931</b>	<b>77.070.924.122</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	7.286.381
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	VI.28	<b>83.685.546.931</b>	<b>77.063.637.741</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.29	42.999.913.179	36.876.023.572
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>40.685.633.752</b>	<b>40.187.614.169</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.30	7.287.036.488	9.479.304.299
7. Chi phí tài chính	22	VI.31	216.635.580	400.422.583
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		216.635.580	400.422.583
8. Chi phí bán hàng	24	VI.32	16.248.941.532	14.762.096.745
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.33	10.927.109.934	11.120.194.697
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>20.579.983.194</b>	<b>23.384.204.443</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.34	2.417.149.931	1.268.172.503
12. Chi phí khác	32	VI.35	1.273.779.228	582.027.855
<b>13. Lợi nhuận khác : ( 40 = 31 - 32 )</b>	<b>40</b>		<b>1.143.370.703</b>	<b>686.144.648</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : ( 50 = 30 + 40 )</b>	<b>50</b>		<b>21.723.353.897</b>	<b>24.070.349.091</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.36	5.410.160.747	5.061.058.422
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.37	(13.779.586)	(13.779.586)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : (60 = 50 -(51+52 )</b>	<b>60</b>		<b>16.326.972.736</b>	<b>19.023.070.255</b>